



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.03442

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : L-MET 100 (L-METHIONINE)
Số lượng/ khối lượng : 2.880 bao/ 72.000 kg
Ngày sản xuất : 12-13/7/2025
Hãng, nước sản xuất : CJ Bio Malaysia Sdn. Bhd, Malaysia.
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : CJ-ATP020525 ngày 29/4/2025
Hóa đơn số : 1003334448 ngày 26/7/2025
Vận đơn số : EGLV091500390163
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : Số 5941/HQ-GDK-TTKN ngày 04/8/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250038287)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG THIẾT YẾU AN THỊNH PHÁT**
Địa chỉ: Khu 4, Ấp 8, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT.
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 2217 /QĐ-TTKN
Ngày 22 tháng 8 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



La Thanh Tùng



BẢNG MÃ HOÁ MẪU PHÂN TÍCH

1. Mã hoá mẫu (trước khi gửi đi phân tích)

Doanh nghiệp/ ngày mã hoá	Mã mẫu	Quy chuẩn áp dụng	Tên sản phẩm/ chỉ tiêu phân tích		Ghi chú
			Tên sản phẩm	Chỉ tiêu phân tích	
Công ty TNHH Dinh dưỡng Thiết yếu An Thịnh Phát 08/8/2025	0825092/HQV2 DFM (Dried Food Meal)	Số thứ tự 3, Mục IV phụ lục I QCVN 01- 190:2019/BNN PTNT Sửa đổi 1:2021 QCVN 01- 190:2020/BNN PTNT	DFM (Dried Food Meal)	As tổng số (mg/ kg) Pb (mg/ kg) <i>E. coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25 g)	BNNP TNT29 250038 289
	0825093/HQV2 L-Met 100 (L-Methionine)	Mục 2.1 bảng 1 QCVN 02- 31- 2:2019/BNNP TNT	L-Met 100 (L- Methionine)	As vô cơ (mg/kg) Pb (mg/kg) Hg (mg/ kg) Cd (mg/kg) <i>E. coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/ 25 g)	BNNP TNT29 250038 287
	0825112/HQV2 Prosin	Mục 2.3 bảng 3 QCVN 02- 31- 2:2019/BNNP TNT	Prosin	As vô cơ (mg/ kg) Pb (mg/ kg) Hg (mg/ kg) <i>E. coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/ 25g)	BNNP TNT29 250038 281

Bảng mã hoá này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hoá mẫu, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm

NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ



Nguyễn Thế Linh

2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm

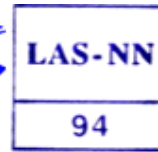
Người thực hiện	Đơn vị	Thời gian (ghi rõ.... giờ, ngày.../.../...	Phòng thí nghiệm được lựa chọn	Ghi chú
Nguyễn Thế Linh	Trung tâm Vùng II	17h30 ngày 08/8/2025	ASTAC	





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 11064/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Nguyễn Thế Linh
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 30952508608
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/08/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 09/08/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0825093/HQV2 L-Met 100 (L- Methionine)	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	<i>Escherichia coli</i> (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	<i>Salmonella</i> spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 15/08/2025
GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.